

แบบฝึกหัดเรื่อง เงิน

ชื่อ-สกุล

ชั้น

เลขที่



100元



50元



20元



10元



5元



1元



5角



1角



5分



1分


 元 角

 元 角 分

 元 分

 元 角

 元 角

 元 角 分


5 元



1.29元



1.6元



1.3元



5.99元



和



一共 多少 钱? yīgòng duōshǎo qián

 元 角 分


和



一共 多少 钱? yīgòng duōshǎo qián

 元 角 分


和



一共 多少 钱? yīgòng duōshǎo qián

 元 角 分


和



一共 多少 钱? yīgòng duōshǎo qián

 元 角 分


买 mǎi ซื้อ



= 元 角 分

应找回 yīngzhǎohuí ควรทอนเงิน

元 角 分



买 mǎi ซื้อ



= 元 角 分

应找回 yīngzhǎohuí ควรทอนเงิน

元 角 分



有 50 元 可以 买 苹果 几 斤?
yǒu kěyǐ mǎi píngguǒ jǐ jīn

有 20 元 可以 买 草莓 几 斤?
yǒu kěyǐ mǎi cǎoméi jǐ jīn

• 可以 买 苹果 斤。
• kěyǐ mǎi píngguǒ jīn

• 可以 买 草莓 斤。
• kěyǐ mǎi cǎoméi jīn



= 张



= 张



= 张



张



= 张



张



张



张 zhāng ใบ
可以 kěyǐ ได้
买 mǎi ซื้อ
斤 jīn ครึ่งกิโล (หน่วยน้ำหนัก)



= ()



= ()



()



= ()



()



1. 2元 = ()角

5. 77分 = ()角 ()分

2. 12角 = ()元 ()角

6. 4角2分 = ()分

3. 6元8角 = ()角

7. 9角 = ()分

4. 33分 = ()角 ()分

8. 10角 = ()元

9. 4元5角 = ()元 ()角 = ()角

10. 8角 + 7角 = ()角 = ()元 ()角

2.80元

136.67元

39.9元

157.72元

35.9元

0.98元

49.80元



----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------